

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 20-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2/ Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thành P**, sinh ngày 20/5/2004 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T, sinh năm 1983 (sống) và bà Nguyễn Mộng T1, sinh năm: 1984 (sống); vợ con chưa có; tiền án, tiền sự không, nhân thân không có án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/6/2024 sau đó chuyển tạm giam đến nay (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Hiếu T2**, sinh ngày 22/5/2003 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nơi ĐKTT: ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở trước khi bị bắt: ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1975 (sống) và bà Đinh Thị N, sinh năm: 1978 (sống); vợ Nguyễn Kim M và 01 người con; tiền án: Không, tiền sự: 01 tiền sự, ngày 20/12/2023 Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích (Quyết định số 141/QĐ-XPHC, ngày 20/12/2023), nhân thân không có án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/6/2024 sau đó

chuyển tạm giam đến nay (bị cáo có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ông Võ Tuấn D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Châu Thành L (Ú), sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Châu Thành L: Bà Lâm Thị Hằng N1 – Luật sư văn phòng L2, đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

2/ Ông Lê Thành T3, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 55 phút ngày 23/6/2024, khi Lê Thành P đang điều khiển xe ô tô 65A–330.02 lưu thông trên địa phận ấp T, xã L, huyện T thì bị lực lượng công an yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện trên xe có vận chuyển thuốc lá nhập lậu gồm 2.980 bao thuốc nhãn hiệu JET, 2.980 bao nhãn hiệu HERO và 1.490 bao nhãn hiệu SCOTT nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ toàn bộ tang vật.

Vật chứng thu giữ được tại hiện trường: Có 7.450 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm 2.980 bao thuốc nhãn hiệu JET, 2.980 bao nhãn hiệu HERO và 1.490 bao nhãn hiệu SCOTT; xe ô tô 65A–330.02; 01 (Một) tấm vải có sọc màu đỏ, xanh, nâu kích thước 1,8m x 1,5m đã qua sử dụng; 01 thẻ Visa MB trên thẻ có số 366372880; 01 điện thoại di động Redmi màu xanh đen, số Imei1: 868155063046141/04, số Imei2: 868155063046158/04 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đen số Imei1: 357274096201066, số Imei2: 357274096347893 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.900.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, số Model 21061119AG đã qua sử dụng. Các vật chứng là thuốc lá đều được niêm phong theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thành P khai nhận: Bị cáo thuê xe ô tô 65A–330.02 của ông Lê Thành T3 làm phương tiện vận chuyển hành khách, từ đó quen biết với người phụ nữ tên T4 và nhận lời vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho bà T4 với tiền công 5.000 đồng/10 bao thuốc. Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 22/6/2024, bị cáo nhận yêu cầu của bà T4 vận chuyển thuốc lá cho ông Châu Thành L (Ú) tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do bị cáo T3 đang cùng đi nên bị cáo thuê T3 đi theo làm phụ xe với tiền công 200.000 đồng/chuyến. Sau khi thống nhất, bị cáo điều khiển xe ô tô 65A–330.02 đi đến khu vực cầu K, thuộc địa phận quận Ô,

thành phố Cần Thơ để nhận thuốc lá, khi đến nơi thì được một người nữ và một người đàn ông giao 7.450 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm 2.980 bao thuốc nhãn hiệu JET, 2.980 bao nhãn hiệu HERO và 1.490 bao nhãn hiệu SCOTT, tại đây bị cáo T3 là người chuyển thuốc lá cho bị cáo để vào trong cốp xe và một số để vào hàng ghế sau, dùng vải phủ lên. Khi nhận thuốc xong, bị cáo điều khiển xe đi hướng Quận lỵ P để đến khu vực giao thuốc cho ông L. Đến khoảng 02 giờ 55 phút ngày 23/6/2024, xe chạy đến khu vực ấp T, xã L, huyện T thì bị công an yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện bị cáo vận chuyển số thuốc lá điều nêu trên. Ngoài lần vận chuyển thuốc lá bị bắt quả tang thì trước đó bị cáo còn nhận vận chuyển thuốc lá của bà T4 giao cho ông Ú 04 lần, thời gian vận chuyển trong tháng 6/2024, số thuốc vận chuyển lần đầu khoảng 4.000 – 5.000 bao, lần 2 sau lần đầu 01 ngày vận chuyển khoảng 3.000 bao, lần 3 sau lần 2 khoảng 03 ngày với số lượng khoảng 6.000 bao và lần 4 là ngày 21/6/2024 vận chuyển trên 7.000 bao. Bị cáo T3 tham gia vận chuyển thuốc lá điều cùng với bị cáo 02 lần.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Hiếu T2 khai nhận: Vào ngày 23/6/2024, bị cáo đi cùng với bị cáo Lê Thành P thì P nhận điện thoại vận chuyển thuốc lá cho người phụ nữ không biết tên, đồng thời bị cáo Lê Thành P thuê bị cáo đi cùng để vận chuyển thuốc lá, tiền công tính theo chuyến là 200.000 đồng. Sau khi nhận lời thì bị cáo P lái xe chở bị cáo đến khu vực cầu K chờ lấy thuốc, nhiệm vụ của bị cáo là chất thuốc lên xe và lấy xuống từ xe xuống giao cho người mua. Bị cáo đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều cùng với bị cáo P 02 lần để giao cho ông Ú nhà ở xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể: Lần vận chuyển đầu là vào ngày 21/6/2024, số lượng thuốc lá được chất đầy khoang để hàng xe ô tô và đầy ghế sau xe ước tính khoảng 6.000 bao. Đến lần thứ hai là ngày 23/6/2024 khi xe đi đến gần nhà ông Ú thì bị bắt quả tang, bị cáo chưa nhận tiền công.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Thành L khai: Ông gặp bị cáo P 02 lần khi đến giao thuốc lá, một lần ở M và một lần bị cáo P đến giao thuốc lá tại nhà ông. Lần đầu ông không nhớ số lượng, lần 2 giao ông 150 bao, gồm 50 bao thuốc Jet, 50 bao thuốc Hero và 50 bao thuốc Scott.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSTT ngày 13/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo Lê Thành P và bị cáo Trần Hiếu T2 về Tội vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thành P và bị cáo Trần Hiếu T2 phạm tội “vận chuyển hàng cấm”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P và bị cáo T2 mức án từ 05 đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự ông Võ Tuấn D và ông Lê Thành T3 không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về vật chứng, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b

khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số thuốc lá điều nhập lậu và tám vại; các tài sản khác hoàn trả cho chủ sở hữu. Đề nghị truy thu bị cáo Lê Thành P số tiền 9.900.000 đồng và Trần Hiếu T2 200.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo P và T2 thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, khi tranh luận và nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Châu Thanh L1, Luật sư Lâm Thị Hằng N1 cho rằng ông L1 đồng ý với Cáo trạng truy tố 02 bị cáo, tuy nhiên theo hồ sơ vụ án giữa lời khai các bị cáo với lời khai ông L1 chưa thống nhất về số lần giao nhận thuốc nên đề nghị không xem xét trách nhiệm hình sự của ông L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Thanh L1 không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn dân sự ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 vắng mặt không gây trở ngại việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở nhận định: Vào ngày 23/6/2024, bị cáo Lê Thành P và Trần Hiếu T2 điều khiển xe ô tô 65A-330.02 vận chuyển 7.450 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm 2.980 bao thuốc nhãn hiệu JET, 2.980 bao nhãn hiệu HERO và 1.490 bao nhãn hiệu SCOTT nhằm mục đích kiếm lời. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ số thuốc lá hiệu Jet, H và S1 được thuê vận chuyển do nước ngoài sản xuất, được đưa vào Việt Nam bằng con đường không chính ngạch, không có hóa đơn, chứng

từ hợp pháp, nhưng vì động cơ kiếm tiền công vận chuyển đã đồng ý vận chuyển trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, xâm phạm đến trật tự xã hội.

[5] Xét thấy về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Sau khi bị bắt các bị cáo tự thú đã nhiều lần vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu là thuộc trường hợp tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã tự thú về những lần phạm tội trước và bị cáo Lê Thành P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Trần Hiếu T2 có bà nội là Lê Thị D1 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Các bị cáo biết việc vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật nhưng nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém, trong đó bị cáo P là người giữ vai trò chính nhận lời vận chuyển thuốc lá, điều khiển xe và thu tiền thuê; bị cáo T2 là người được bị cáo P thuê đồng ý giúp sức bị cáo P trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy các bị cáo cần được xử lý bằng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nhưng vẫn đảm bảo tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số thuốc lá bị thu giữ là vật bị cấm tàng trữ, lưu hành và tẩm vải sử dụng che giấu số thuốc lá điều là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Riêng 03 điện thoại đã qua sử dụng và 01 thẻ Visa MB là tài sản của các bị cáo nên giao trả chủ sở hữu là đúng quy định.

[9] Đối với yêu cầu truy thu tiền thu lợi bất chính nộp ngân Nhà nước thì thấy: Bị cáo P khai đã thu lợi từ việc vận chuyển hàng cấm được 9.900.000 đồng và bị cáo T2 được 200.000 đồng. Nhận thấy tiền thu lợi bất chính là tiền do phạm tội mà có, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần buộc các bị cáo giao nộp ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo Lê Thành P, Trần Hiếu T2 phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[11] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành P và bị cáo Trần Hiếu T2 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/6/2024

Xử phạt: Bị cáo Trần Hiếu T2 05 (năm) tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Lê Thành P nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 9.900.000 đồng và bị cáo Trần Hiếu T2 nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 200.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 7.450 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm 2.980 bao thuốc lá điều loại Jet, 2.980 bao thuốc lá điều loại Hero, 1.490 bao thuốc lá điều loại Scott, đã niêm phong và 01 tấm vải có sọc màu đỏ, xanh, nâu kích thước 1,8m x 1,5m, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thành P: 01 thẻ Visa MB trên thẻ có số 366372880; 01 điện thoại di động Redmi màu xanh đen, số Imei1: 868155063046141/04, số Imei2: 868155063046158/04 và 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đen số Imei1: 357274096201066, số I: 357274096347893

+ Trả lại cho Trần Hiếu T2 gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, số Model 21061119AG đã qua sử dụng.

+ Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lê Thành P số tiền 2.900.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Hiện các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2025, giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị – bl 723).

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Thành P và Trần Hiếu T2 mỗi người phải chịu án phí 200.000 đồng.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Công an tỉnh Sóc Trăng
(Cơ quan điều tra (01), Phòng hồ sơ nghiệp vụ (01), CQTHAHS (01));
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Phân trại Tạm giam huyện Thạnh Trị,
Trại tạm giam, Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người liên quan và người bảo vệ;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai